

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1991.

ĐKHKTT: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Bùi Đức M**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Bùi Thị T** trình bày: Chị và anh **Bùi Đức M** được tự do tìm hiểu,

tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1(nay là xã H), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/6/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M chơi bời, cờ bạc chị khuyên giải nhiều lần nhưng anh không nghe, vợ chồng xảy ra xô xát cãi vã, anh M đánh đập chị nên chị đưa con về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân đến cuối năm 2015 thì chị cho anh cơ hội để sửa chữa nên đã quay lại nhà chồng ở. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, không những anh chơi bời, cờ bạc mà còn phản bội chị và đã có người phụ nữ khác. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn và không thể tháo gỡ được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2016 anh M đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhưng vợ chồng không liên lạc với nhau, thời gian gần đây chị và anh M có liên lạc với nhau để thống nhất về việc ly hôn và anh M có quan điểm nhất trí ly hôn. Do vậy, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Đức M.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 02/01/2013, hiện con đang ở với chị, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại chị là giáo viên Mầm non tại địa phương, thu nhập từ 4.500.000đ - 5.000.000đ/1tháng, chị ở cùng với bố mẹ đẻ, bố mẹ chị cũng phụ giúp chị chăm sóc con chung mỗi khi bận việc và chị đảm bảo có đủ thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng con thật tốt.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh, chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị T1 (là mẹ anh M) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh M ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh M vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh M biết. Thông qua gia đình anh M trình bày vợ chồng không hợp nhau nên sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc và hay xảy ra mâu thuẫn, chị T xin ly hôn, anh có quan điểm nhất trí. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung là Bùi Anh Đ, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt. Bà Tươi có quan điểm: trong thời gian chung sống chị T, anh M hay xảy ra xô xát, bà nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh, chị.

Con chung của chị T và anh M là Bùi Anh Đ có nguyện vọng được ở với chị T.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh M đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M mãi chơi không quan tâm đến vợ con, chị T đã

cho anh cơ hội để sửa chữa nhưng anh không thay đổi nên chị cho con về nhà đẻ ở hẳn, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Hiện tại anh M đi xuất khẩu lao động không có mặt tại địa phương, chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Bùi Đức M. Về con chung: Giao con chung Bùi Anh Đ cho chị T nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Bùi Đức M có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện anh M đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh M ở Đài Loan. Tòa án đã đề nghị gia đình anh M cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh M và gia đình đã thông báo cho anh M biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh M, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Đức M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1(nay là xã H), huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/6/2012 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M chơi bời, cờ bạc và đánh đập chị nên vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, tuy nhiên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng căng thẳng và không có biện pháp tháo gỡ, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2016 anh M đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, vợ chồng không

liên lạc với nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M, khi làm thủ tục ly hôn chị và anh M có liên lạc với nhau để thống nhất về việc ly hôn và anh M có quan điểm nhất trí ly hôn. Thông qua gia đình, anh M vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có một con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 02/01/2013, hiện con đang ở với chị T, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại anh M đang lao động ở Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Con Bùi Anh Đ có nguyện vọng được ở với chị T, anh M cũng có quan điểm nhất trí để chị T nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Bùi Anh Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị T không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh M có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh M cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Bùi Đức M.
2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Anh Đ, sinh ngày 02/01/2013 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T tạm thời không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0007324 ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Đức M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)